

THỜI HIỆU KHỞI KIẾN VỤ ÁN DÂN SỰ VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

NGUYỄN CHÍ HIẾU

Học viện Tư pháp

TRẦN VĂN ANH

Trường Đại học Lao động – Xã hội

Nhận bài ngày 15/7/2026. Sửa chữa xong 14/8/2026. Duyệt đăng 16/8/2026.

Abstract

The statute of limitations for filing civil lawsuits is an important legal issue in civil proceedings, as it directly affects the right to initiate legal proceedings and, more broadly, the right to request the court to protect the lawful rights and interests of the parties. This article examines the legal provisions governing the determination and application of the statute of limitations in the resolution of civil disputes and identifies a number of difficulties and shortcomings arising in practice. On that basis, the article proposes recommendations for improving the legal framework governing the determination and application of the statute of limitations in civil proceedings.

Keywords: Civil proceedings; filing a lawsuit; statute of limitations.

1. Đặt vấn đề

Thực tiễn cho thấy, việc xác định và áp dụng thời hiệu khởi kiện tồn tại một số bất cập, vướng mắc từ quy định pháp luật tới thực tiễn xét xử, ảnh hưởng tới hoạt động xét xử của Tòa án, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trong bối cảnh pháp luật dân sự và tố tụng dân sự ngày càng được hoàn thiện theo hướng đề cao quyền con người, quyền công dân và bảo đảm quyền tiếp cận công lý, việc nghiên cứu, làm rõ các vấn đề liên quan đến thời hiệu khởi kiện có ý nghĩa quan trọng, góp phần bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật cũng như bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ dân sự.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề chung về thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự

2.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự

Thời hiệu khởi kiện là một loại thời hiệu, có đầy đủ đặc trưng của thời hiệu theo Điều 149 Bộ luật Dân sự năm 2015, bao gồm: (i) thời hiệu khởi kiện là thời hạn; (ii) thời hiệu khởi kiện kết thúc làm phát sinh hậu quả pháp lý; (iii) hậu quả pháp lý này được xác định theo quy định của luật. Điểm đặc trưng của thời hiệu khởi kiện so với các loại thời hiệu khác là ở hậu quả pháp lý khi thời hiệu kết thúc. Cụ thể khoản 3 Điều 150 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện như sau: “*Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện*”.

Thời hiệu khởi kiện có một số ý nghĩa như sau: (i) Thời hiệu khởi kiện được quy định đối với một số tranh chấp góp phần khiến chủ thể có trách nhiệm hơn với việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; (ii) Thời hiệu khởi kiện được quy định trên cơ sở tôn trọng quyền tự định đoạt của chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự, góp phần đảm bảo tính bình ổn của các quan hệ pháp luật dân sự đã xác lập, thực hiện; (iii) Việc áp dụng thời hiệu khởi kiện khi thời hiệu đã kết thúc làm phát sinh hậu quả pháp lý “người khởi kiện mất quyền khởi kiện” theo quy định tại khoản 3 Điều 150 Bộ luật Dân sự năm 2015, và

Email: chihieu.hvtp@gmail.com - anhvtv@ulsa.edu.vn.

cụ thể hơn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

2.1.2. Xác định và áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự

a. Xác định thời hiệu khởi kiện

Xác định thời hiệu được thực hiện trên cơ sở xác định: (i) Việc khởi kiện vụ án có áp dụng thời hiệu khởi kiện không; (ii) thời hiệu khởi kiện là khoảng thời gian bao lâu; (iii) thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của thời hiệu khởi kiện; (iv) tại thời điểm khởi kiện thời hiệu khởi kiện đã kết thúc chưa. Những vấn đề trên được làm rõ theo những nội dung sau:

Thứ nhất, thời hiệu khởi kiện là thời hạn do luật quy định: Theo quy định tại khoản 1 Điều 149 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì thời hiệu nói chung, thời hiệu khởi kiện nói riêng phải do luật quy định. Nói cách khác, chỉ những loại vụ án nhất định mà luật quy định về thời hiệu khởi kiện thì việc xác định, áp dụng thời hiệu khởi kiện mới được đặt ra, chứ không thể xác định, áp dụng thời hiệu khởi kiện theo những căn cứ khác như thỏa thuận, theo quy định của văn bản không phải luật, hay áp dụng “tương tự” được.

Thứ hai, việc xác định thời hiệu khởi kiện được thực hiện theo quy định về xác định thời hạn: Thời hiệu khởi kiện có thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc, nên thực tiễn xác định thời hiệu đã kết thúc hay chưa được xác định trên cơ sở hai thời điểm này. Khoản 1 Điều 154 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện: “Được tính từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.” Ngoài ra, luật quy định về thời hiệu khởi kiện đối với mỗi loại tranh chấp cụ thể và trong từng trường hợp, luật cũng quy định về thời điểm bắt đầu tính thời hiệu. Do đó, khi xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện, ta cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 154 Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định của luật về thời hiệu khởi kiện trong trường hợp cụ thể.

Thứ ba, trường hợp thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện: Điều 156 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về các trường hợp thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện. Trong các trường hợp này, “chủ thể không thực hiện được quyền xuất phát từ yếu tố khách quan chứ không phụ thuộc vào ý chí chủ quan, nằm ngoài tầm kiểm soát, dự liệu của chủ thể nên khoảng thời gian không được thực hiện quyền gần hay dài thì nó cũng không được tính vào thời hiệu” (Nguyễn Thị Thu Hà, 2023, tr. 42). Tóm lại, thời gian mà người có quyền khởi kiện không thể thực hiện được quyền khởi kiện của mình thì được xác định là khoảng thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện.

Thứ tư, trường hợp bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện: Trong phạm vi thời hiệu khởi kiện, có thể xảy ra những sự kiện pháp lý làm phát sinh hậu quả pháp lý “bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện” là “sự khôi phục thời hiệu khi có căn cứ ghi nhận trong luật” (Nguyễn Minh Hằng, 2017, tr. 23). Các sự kiện kiện pháp lý này được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo khoản 2 Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015, khi xảy ra những sự kiện pháp lý nêu trên thì thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại kể từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện pháp lý đó. Trong các trường hợp này, “ý chí của chủ thể đã gián tiếp quyết định việc tính lại thời hiệu khởi kiện” (Đỗ Văn Đại, & Ngô Thị Anh Vân, 2020, tr. 30).

Thứ năm, trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện: Với những loại tranh chấp mà luật không quy định về thời hiệu khởi kiện thì không có cơ sở để xác định và áp dụng thời hiệu khởi kiện. Bên cạnh đó, Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng quy định cụ thể về những trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện bao gồm: (i) Yêu cầu bảo vệ quyền nhân thân không gắn với tài sản; (ii) yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật Dân sự, luật khác có liên quan quy định khác; (iii) tranh chấp về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai; (iv) trường hợp khác do luật quy định. Một trường hợp đáng chú ý khác do luật quy định không áp dụng thời hiệu là trường hợp tại khoản 3 Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2015, cụ thể thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội và giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo “không bị hạn chế”. Trường hợp này cũng được hiểu là không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Ngoài ra với trường hợp khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được theo khoản 1 Điều

408 Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng cần xác định là trường hợp “vô hiệu tuyệt đối, thời hiệu yêu cầu tuyên hợp đồng vô hiệu trong trường hợp này là “không bị hạn chế” (Nguyễn Chí Hiếu, & Trần Văn Anh, 2026, tr. 248) trên cơ sở bản chất của hợp đồng này, dù pháp luật quy định không rõ ràng.

b. Áp dụng thời hiệu khởi kiện

Việc áp dụng thời hiệu khởi kiện được thực hiện trên cơ sở những nội dung sau:

Thứ nhất, điều kiện áp dụng thời hiệu khởi kiện: Việc áp dụng thời hiệu khởi kiện chỉ đặt ra khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau: (i) Luật có quy định về thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu; (ii) thời hiệu khởi kiện đã kết thúc. Theo khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “*Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ, việc.*”, khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cũng có nội dung tương tự. Như vậy, ngoài hai điều kiện trên, “điều kiện đủ” để áp dụng thời hiệu khởi kiện là một bên hoặc các bên đương sự yêu cầu Tòa án áp dụng trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc.

Ngoài ra, theo điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự, những quan hệ pháp luật có tranh chấp được phát sinh từ trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nhưng việc khởi kiện được thực hiện kể từ ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thì thời hiệu nói chung và thời hiệu khởi kiện nói riêng được áp dụng theo quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thứ hai, hậu quả pháp lý khi áp dụng thời hiệu khởi kiện: Điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về một trong các trường hợp Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án: “*Đương sự có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện đã hết.*”. Bên cạnh đó, “thời hiệu khởi kiện kết thúc” có thể làm phát sinh cả hậu quả pháp lý về nội dung, làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ trong quan hệ pháp luật dân sự. Ví dụ, khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về “Thời hiệu thừa kế”, hoặc các trường hợp hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu đối với các trường hợp quy định tại các Điều 125, 126, 127, 128 và 129 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì giao dịch dân sự có hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tóm lại, khi thời hiệu kết thúc và thỏa mãn các điều kiện áp dụng thời hiệu như đã trình bày sẽ làm phát sinh hậu quả pháp lý về tố tụng là “Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án”, và trong một số trường hợp có thể phát sinh hậu quả về nội dung theo quy định của pháp luật nội dung. Tuy nhiên, theo tác giả, trong trường hợp này, không thể đồng thời phát sinh cả hậu quả pháp lý về tố tụng và hậu quả pháp lý về nội dung, chúng ta sẽ phân tích chi tiết nội dung này ở phần 2.2.

2.2. Một số vướng mắc khi xác định và áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự và kiến nghị

2.2.1. Vướng mắc khi xác định thời hiệu khởi kiện

Từ thực tiễn và quy định của pháp luật cho thấy, có một số vướng mắc khi xác định thời hiệu khởi kiện, trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày hai vướng mắc sau:

a. Xác định thời hiệu khởi kiện trong trường hợp pháp luật quy định không rõ ràng

Trường hợp xác định thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu công nhận hiệu lực hợp đồng. Từ quy định của pháp luật đến thực tiễn xét xử cho thấy có nhiều trường hợp đương sự yêu cầu công nhận hiệu lực hợp đồng đối với những trường hợp hợp đồng vi phạm điều kiện có hiệu lực, nhưng có sự kiện pháp lý phát sinh làm “chuyển hóa” tính có hiệu lực của hợp đồng. Phổ biến nhất là yêu cầu công nhận hiệu lực hợp đồng với khi hợp đồng vô hiệu do không thỏa mãn điều kiện có hiệu lực về hình thức theo quy định tại khoản 2 Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong trường hợp này, có hai quan điểm sau:

Quan điểm thứ nhất, áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu công nhận hiệu lực hợp đồng theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 3 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Quan điểm thứ hai, không xác định và áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu công nhận hiệu lực hợp đồng. Quan điểm này được chứng minh bởi một số luận điểm sau:

- Thời hiệu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng theo Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 được xác định và áp dụng khi một bên có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp khi cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong quan hệ hợp đồng bị xâm phạm từ hành vi vi phạm nghĩa vụ của bên còn lại. Những yêu cầu này có thể là: *“(i) Buộc bên vi phạm nghĩa vụ thực hiện đúng nghĩa vụ; (ii) Buộc bên vi phạm nghĩa vụ nộp tiền phạt vi phạm nghĩa vụ (nếu các bên trong quan hệ hợp đồng có thỏa thuận); (iii) Buộc bên vi phạm nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ; (iv) Tuyên chấm dứt việc thực hiện hợp đồng hoặc tuyên hủy bỏ hợp đồng và giải quyết hậu quả”* (Nguyễn Thị Hạnh, & Nguyễn Chí Hiếu, 2025, tr. 22). Yêu cầu công nhận hiệu lực hợp đồng không thuộc các yêu cầu áp dụng thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Việc áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu công nhận hiệu lực hợp đồng có thể dẫn tới hậu quả pháp lý Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, dẫn tới hợp đồng mặc dù thỏa mãn điều kiện chuyển hóa tính có hiệu lực nhưng không thực hiện được trên thực tế do chưa được công nhận hiệu lực, đặc biệt hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều kiện về hình thức, và liên quan đến hoạt động quản lý hành chính (ví dụ thủ tục đăng ký biến động trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất). Do đó *“không đảm bảo được tính bình ổn trong quan hệ hợp đồng và sự thống nhất giữa các quy định pháp luật”* (Nguyễn Thị Hạnh, & Nguyễn Chí Hiếu, 2025, tr. 24).

Tác giả đồng tình với quan điểm thứ hai trên cơ sở những luận điểm đã nêu. Tóm lại, với trường hợp luật không quy định, thì không xác định và áp dụng thời hiệu khởi kiện, trường hợp luật quy định không rõ ràng, cần đánh giá tính chất của quan hệ pháp luật có tranh chấp và yêu cầu khởi kiện, đặt trong mối quan hệ với những quy định khác có liên quan để đảm bảo tính thống nhất.

b. Việc xác định thời hiệu khởi kiện trong một số trường hợp không đảm bảo được nguyên tắc bình đẳng của pháp luật dân sự

Ngày 02/8/2021 Tòa án nhân dân tối cao ban hành Công văn số 02/TANDTC-PC giải đáp một số vướng mắc trong xét xử có nội dung giải đáp tại phần 2 Mục III như sau: *“Căn cứ quy định nêu trên thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đã hết. Tuy nhiên, theo quy định khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp “yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác”. Do đó, Ngân hàng có thể khởi kiện ông A yêu cầu đòi lại tài sản (ngợ gốc) và Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án mà không phụ thuộc vào việc các bên có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc hay không.”*. Như vậy nội dung giải đáp trên theo hướng xác định yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán tiền gốc trong hợp đồng tín dụng được coi là “yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu” và không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Nội dung giải đáp này cũng tương tự như quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao số 03/2012/NQ-HĐTP¹ (đã hết hiệu lực). Tuy nhiên, đối với tranh chấp hợp đồng vay không phải hợp đồng tín dụng, thì Công văn trên lại có nội dung giải đáp tại phần 3 Mục III như sau: *“Đối với các tranh chấp phát sinh từ giao dịch dân sự như hợp đồng thuê nhà, thuê tài sản, hợp đồng vay tài sản giữa các cá nhân, tập thể với nhau (không phải là hợp đồng tín dụng) thì thời hiệu khởi kiện áp dụng theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự.”*. Nội dung giải đáp này theo hướng, tranh chấp hợp đồng vay tài sản mà không phải hợp đồng tín dụng thì vẫn áp dụng thời hiệu khởi kiện như tranh chấp về hợp đồng.

Hợp đồng tín dụng hay hợp đồng vay tài sản về bản chất tương tự nhau, về cơ bản chỉ khác nhau yếu tố chủ thể. Điều này không phải căn cứ để kết luận tính chất của yêu cầu đòi tiền gốc trong hợp

1) Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao số 03/2012/NQ-HĐTP hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “những quy định chung” của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự.

đồng tín dụng là “yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu” còn yêu cầu đòi tiền gốc trong hợp đồng vay tài sản là “tranh chấp hợp đồng”. Mặc dù không phải văn bản pháp luật, tuy nhiên Công văn này định hướng đường lối xét xử trong thực tiễn, vô hình chung tạo ra sự bất bình đẳng trong việc giải quyết vụ án đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng vay tài sản thông thường.

Do đó, cần thiết có quy định của pháp luật hướng dẫn về nội dung này trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự nói chung, nguyên tắc bình đẳng trong quan hệ pháp luật dân sự nói riêng.

2.2.2. Vướng mắc khi áp dụng thời hiệu khởi kiện

a. Áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp vụ án có nhiều yêu cầu giải quyết nhiều quan hệ pháp luật tranh chấp khác nhau

Thời hiệu khởi kiện được xác định và áp dụng trên cơ sở từng loại yêu cầu, tranh chấp khác nhau. Tuy nhiên, trong một vụ án Tòa án có thể giải quyết nhiều yêu cầu khác nhau, pháp luật quy định về thời hiệu khởi kiện đối với từng yêu cầu có thể khác nhau. Điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về hậu quả pháp lý khi áp dụng thời hiệu khởi kiện là Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Trong khi đó, không quy định về đình chỉ giải quyết từng yêu cầu đã hết thời hiệu khởi kiện và đủ điều kiện áp dụng thời hiệu. Thực tiễn xét xử cho thấy việc áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện trong trường hợp một vụ án có nhiều yêu cầu với tình trạng thời hiệu khác nhau vẫn phát sinh không ít vướng mắc. Theo đó, khi một yêu cầu đã hết thời hiệu khởi kiện nhưng các yêu cầu còn lại hoặc không thuộc trường hợp áp dụng thời hiệu, hoặc vẫn còn trong thời hạn khởi kiện, Tòa án gặp khó khăn trong việc xác định cách thức xử lý phù hợp đối với từng yêu cầu.

Theo quan điểm của tác giả, cần thiết sửa đổi quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 hoặc có quy định hướng dẫn theo hướng, Tòa án có thể áp dụng thời hiệu khởi kiện và ra quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu đã hết thời hiệu khởi kiện, nội dung này cần được áp dụng với cả yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập.

b. Áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp thời hiệu khởi kiện kết thúc có thể làm phát sinh hậu quả pháp lý về nội dung.

Như đã phân tích ở mục 2.1.2, khi thời hiệu kết thúc và thỏa mãn các điều kiện áp dụng thời hiệu sẽ làm phát sinh hậu quả pháp lý về tố tụng là “Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án”, và trong một số trường hợp có thể phát sinh hậu quả về nội dung theo quy định của pháp luật nội dung. Trong trường hợp này, Tòa án sẽ không thể vừa ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, vừa “giải quyết vụ án” trên cơ sở quy định của pháp luật nội dung về hậu quả pháp lý khi thời hiệu khởi kiện kết.

Ví dụ: Ông X (sinh năm 1935) và bà Y (sinh năm 1940) là vợ chồng, ông bà có hai người con là anh A (sinh năm 1960) và anh B (sinh năm 1963). Ông X và bà Y tạo lập được khối tài sản là căn nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 12, tại xã K, tỉnh H. Ông X chết năm 1992, bà Y chết năm 1994 đều không để lại di chúc. Năm 2024, anh B đề nghị anh A làm thủ tục phân chia di sản thừa kế nhưng anh A không đồng ý. Tháng 7 năm 2025 anh B khởi kiện anh A yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế đối với nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 3. Tòa án thụ lý vụ án. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh A làm đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong ví dụ trên, yêu cầu khởi kiện của anh B là yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và nhà ở tại thửa đất số 03. Theo khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015: “*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế*”. Thời điểm mở thừa kế đối với phần di sản của ông X là năm 1992, đối với phần di sản của bà Y là năm 1994, thời điểm khởi kiện là tháng 7 năm 2025. Như vậy, thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản của cả ông X và bà Y đều đã hết tại thời điểm khởi kiện. Anh A là bị đơn có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện tại giai đoạn chuẩn bị xét xử. Do đó, căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án sẽ ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hậu quả pháp lý khi thời

hiệu khởi kiện kết thúc có nội dung “*hết thời hạn này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó...*”. Vậy khi nào Tòa án áp dụng quy định trên để giải quyết vụ án theo hướng tuyên di sản thừa kế thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản khi thời hiệu khởi kiện kết thúc? Nếu anh A muốn Tòa án giải quyết theo hướng đó, anh A cần làm gì?

Theo quan điểm của tác giả, trong trường hợp anh A chỉ yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện thì đây không được coi là yêu cầu phản tố, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là hợp lý.

Trong trường hợp anh A muốn Tòa án chia di sản theo hướng anh A được hưởng toàn bộ di sản thì anh A cần đưa ra yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án tuyên di sản thừa kế thuộc về anh A trên cơ sở áp dụng hậu quả pháp lý khi thời hiệu khởi kiện kết thúc theo khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong trường hợp Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, anh A có thể khởi kiện vụ án mới với yêu cầu tương tự như yêu cầu phản tố nêu trên.

Để thống nhất về cách hiểu và áp dụng quy định trong thực tiễn xét xử, cần thiết có quy định hướng dẫn cụ thể cách giải quyết trong trường hợp thời hiệu khởi kiện kết thúc không chỉ phát sinh hậu quả pháp lý về tố tụng mà pháp luật nội dung còn quy định cả hậu quả pháp lý về nội dung tương tự như tình huống nêu trên.

3. Kết luận

Mặc dù có nhiều ý nghĩa như đã trình bày nhưng suy cho cùng việc quy định và áp dụng thời hiệu khởi kiện cũng làm hạn chế quyền yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Do đó việc pháp luật quy định chặt chẽ và cụ thể về từng trường hợp xác định, áp dụng thời hiệu khởi kiện, điều kiện áp dụng thời hiệu khởi kiện là cần thiết, tránh ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của đương sự. Cần có sự nghiên cứu cả về lý luận và quy định thực định để đảm bảo thời hiệu khởi kiện thực sự mang lại những ý nghĩa phù hợp, đảm bảo được quyền lợi của đương sự và đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật cũng như việc áp dụng pháp luật trên thực tế.

Tài liệu tham khảo

Đỗ Văn Đại, & Ngô Thị Anh Vân (2020). Thỏa thuận về thời hiệu khởi kiện: Kinh nghiệm của nước ngoài cho Việt Nam. Trong *Tài liệu hội thảo khoa học: Thời hiệu trong pháp luật dân sự Việt Nam*. TP. Hồ Chí Minh.

Nguyễn Chí Hiếu, & Trần Văn Anh (2026). Thời hiệu khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, kỳ 02, tháng 02.

Nguyễn Minh Hằng (2017). Bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự. *Tạp chí Kiểm sát*, (13).

Nguyễn Thị Hạnh, & Nguyễn Chí Hiếu (2025). Bàn về vấn đề áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu công nhận hiệu lực hợp đồng. *Tạp chí Nghề luật*, (2).

Nguyễn Thị Thu Hà (2023). Thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự – Một số vấn đề cần trao đổi. *Tạp chí Nghề luật*, (10).

Quốc hội (2015a). *Bộ luật Dân sự*. Luật số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015.

Quốc hội (2015b). *Bộ luật Tố tụng dân sự*. Luật số 92/2015/QH13, ngày 25/11/2015.

Tòa án nhân dân tối cao (2021). *Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/08/2021 về việc giải đáp một số vướng mắc trong xét xử*.